

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 – 2025
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý, xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Công văn số 3115/BTTTT-CVT ngày 02/8/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 – 2025 của địa phương.

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 3117/TTr-STTTT ngày 28/9/2023 và Công văn số 3540/STTTT-CNTTBCVT ngày 30/10/2023, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Phát triển hạ tầng số để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời

cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông băng thông rộng, phủ sóng 5G, mỗi người dân một máy điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, nền tảng điện toán đám mây, nền tảng danh tính số và các nền tảng về phần mềm, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, an toàn, an ninh mạng để cung cấp như một dịch vụ.

c) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành, tăng cường việc đầu tư hạ tầng viễn thông băng thông rộng theo hình thức xã hội hóa, giảm chi phí đầu tư hạ tầng và đảm bảo mỹ quan đô thị.

c) Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

d) Phát triển hạ tầng số phải đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

đ) Hạ tầng số được phát triển với tốc độ cao, băng thông rộng, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số tiên tiến với chất lượng cao, giá cước phù hợp.

e) Hạ tầng số là hạ tầng kinh tế - xã hội, do đó phải an toàn, tin cậy, có chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tạo niềm tin cho xã hội khi tham gia vào các hoạt động trên không gian mạng.

g) Tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành Thông tin và Truyền

thông trong việc triển khai xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG SỐ ĐẾN NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu hạ tầng kết nối băng thông rộng

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động băng thông rộng 4G (%): 98%.
- Số thuê bao truy nhập Internet băng thông rộng di động/100 dân(%): 92%.
- Số thuê bao băng thông rộng cố định (BRCD)/100 dân: 26%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng thông rộng cáp quang (%): 87%.
- Tỷ lệ thôn được phủ băng thông rộng cố định (cáp quang FTTH): 99%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 71%.
- Tốc độ băng thông rộng di động mạng 4G: 45,06Mbps.
- Tốc độ băng thông rộng cố định: 96,15Mbps.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 16%.
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: 88%.
- Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp: 4%.

2. Hạ tầng điện toán đám mây

Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 2,2%.

3. Hạ tầng công nghệ số

Sử dụng công nghệ AI như dịch vụ trong công tác chuyển đổi số tại địa phương: 03 hệ thống/ứng dụng.

4. Nền tảng số

Số lượng nền tảng số đã triển khai: 06 nền tảng.

5. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2015 - 2022, hạ tầng số tỉnh Khánh Hòa được quan tâm, đầu tư xây dựng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh. Các chỉ số về điện thoại thông minh, mạng thông tin di động, Internet cáp quang hộ gia đình của tỉnh tăng trưởng khá; mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống nền tảng kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), các nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được triển khai đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh; góp phần quan trọng trong tăng trưởng các chỉ số về năng lực cạnh tranh (PCI) và cải cách hành chính của tỉnh.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu hạ tầng kết nối băng thông rộng

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động băng thông rộng 4G (%): 100%.
- Số thuê bao truy nhập Internet băng thông rộng di động/100 dân (%): 96%.
- Số thuê bao băng thông rộng cố định (BRCD)/100 dân: 30%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng thông rộng cáp quang (%): 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng thông rộng cáp quang: 96%.
- Tỷ lệ thôn được phủ băng thông rộng cố định (cáp quang FTTH): 99%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 80%.
- Tốc độ băng thông rộng di động: 60Mbps.
- Tốc độ băng thông rộng cố định: 150Mbps.
- Tỷ lệ người sử dụng Internet: 80%.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 30%.
- Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp: 92%.
- Tỷ lệ dùng chung công bể cáp: 20%.

2. Hạ tầng điện toán đám mây

Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây: 40%.

3. Hạ tầng công nghệ số

Tăng cường, phát triển sử dụng công nghệ AI, Blockchain, IoT trong công tác chuyển đổi số tại địa phương.

4. Nền tảng số

- Phát triển 02 nền tảng số có tính chất hạ tầng.
- Trung bình mỗi người dân có: 01 tài khoản điện toán đám mây, 01 điện thoại thông minh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng số

a) Tuyên truyền phổ biến các quy định, chính sách về phát triển hạ tầng số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt việc đầu tư phát triển, sử dụng dịch vụ hạ tầng số đạt hiệu quả.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông – công nghệ thông tin phát triển hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng số phát triển thành hạ tầng số an toàn, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

c) Hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh

xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng; quản lý quy hoạch, định hướng phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng phù hợp làm nền tảng phát triển các ứng dụng dịch vụ số, phục vụ mục đích chuyển đổi số của tỉnh.

2. Xây dựng hạ tầng viễn thông băng thông rộng, phổ cập, bền vững, an toàn

a) Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng trạm thu phát sóng di động (BTS) 4G phủ sóng 100% các thôn và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu vực sóng yếu; ưu tiên, tập trung phát triển 5G tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, khu du lịch, cơ quan nhà nước và phục vụ, hỗ trợ phát triển các hạ tầng đô thị, giao thông, năng lượng, y tế... Tắt sóng công nghệ 2G trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Phát triển thuê bao băng thông rộng cố định với tốc độ cao đến từng các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học và hộ gia đình. Xây dựng, thiết lập các điểm truy nhập dịch vụ Internet wifi miễn phí tại các khu vực công cộng, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các huyện miền núi phục vụ nhu cầu thông tin, sử dụng các dịch vụ số, tiếp cận, sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến.

c) Triển khai chương trình hỗ trợ điện thoại thông minh từ nguồn vốn của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo để người dân có công cụ giao tiếp với chính quyền trên môi trường số.

d) Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

đ) Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh...

3. Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng, phát triển các trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh; tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây vào các hệ thống thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng dịch vụ điện toán đám mây do các doanh nghiệp trong nước cung cấp...

4. Phát triển hạ tầng công nghệ số

a) Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ AI, blockchain, IoT, đáp ứng yêu cầu ứng dụng chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số, trở thành nền tảng để xây dựng sức mạnh sản xuất và sức mạnh không gian mạng, phát triển kinh tế số, hệ thống quản trị số quốc gia và năng lực quản trị số...

b) Ứng dụng cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần cứng cũng như

các công nghệ khác phục vụ thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, để dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

5. Phát triển nền tảng số có tính chất hạ tầng

Phát triển hệ thống giao dịch điện tử, sử dụng công nghệ số để tạo môi trường mạng cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tương tác, giao dịch, cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa, có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt, các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phát hiện, xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật; các doanh nghiệp từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

b) Phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và tự bảo vệ; phát hiện và xử lý các vấn đề mất an toàn, an ninh thông tin.

c) Thực thi văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng.

7. Huy động nguồn lực thực hiện

a) Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng số làm nền tảng phục vụ nhu cầu dịch vụ số của các cơ quan, chính quyền, địa phương và người dân.

b) Thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đơn vị xã hội hóa đầu tư hạ tầng kỹ thuật dùng chung. Phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước, chiếu sáng...); triển khai roaming trong tỉnh trên các hạ tầng di động (4G/5G).

c) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số; tạo mối liên kết về nhân lực giữa cơ sở đào tạo, nghiên cứu với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số...

8. Đo lường, quản lý, giám sát

a) Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng số, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng.

b) Phối hợp với Cục Viễn thông tham gia thực hiện đánh giá, chấm điểm Bộ

tiêu chí phát triển hạ tầng số tại địa phương.

9. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Lồng ghép các chương trình hội thảo, hội nghị liên quan để phổ biến về hạ tầng số, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến và khích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng số từ đó thay đổi căn bản thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

b) Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng thông rộng cố định, băng thông rộng di động chất lượng cao (5G) để các cá nhân, tổ chức nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử...) từ đó đặt hàng các doanh nghiệp hạ tầng số thiết lập, cung cấp.

c) Tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm: Chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số, các kỹ năng cơ bản như: Truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp, hỗ trợ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng số tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp; tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch này.

b) Nghiên cứu chính sách quản lý và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hạ tầng số; phát triển hạ tầng băng thông rộng đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng đảm bảo các mục tiêu đề ra; thúc đẩy tối đa việc kết nối và thực hiện chia sẻ, dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với các ngành Xây dựng, Giao thông, Điện lực.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ phát triển thiết lập hệ thống wifi miễn phí tại các điểm công cộng phục vụ phát triển du lịch của tỉnh và các nhà sinh hoạt cộng đồng tại các huyện miền núi, hải đảo tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số.

đ) Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích về hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để người dân có công cụ giao tiếp với chính quyền trên môi trường số.

e) Tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm: Chuyển đổi sang sử dụng điện thoại thông minh, sử dụng các nền tảng số, các kỹ năng cơ bản như: Truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

g) Chủ trì việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng.

b) Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân về quy trình thủ tục cấp phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng kỹ thuật dùng chung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong xây dựng dân dụng.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu kinh phí chi thường xuyên theo quy định của nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và trong khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm.

4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân về quy trình đầu tư các dự án xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng kỹ thuật dùng chung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút vốn đầu tư hợp pháp từ doanh nghiệp, xã hội để phát triển hạ tầng số theo quy định.

5. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông trong phạm vi đất dành cho đường bộ để đảm bảo tính đồng bộ, đảm bảo an toàn giao thông và khai thác của công trình đường bộ kết hợp với các công trình giao thông.

b) Chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công công trình viễn thông thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh việc giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức đầu tư xây dựng công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong

a) Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số nhằm cung cấp các dịch vụ số cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý.

8. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng, bảo đảm quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số; thỏa thuận, cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo thẩm quyền được phân cấp; hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác...

c) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn quản lý.

d) Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước...

9. Trách nhiệm của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Phối hợp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật điện lực để phát triển viễn thông băng thông rộng theo các quy định của Nhà nước và quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

10. Trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông

a) Trên cơ sở những nội dung định hướng nêu tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ chuyển đổi số của tỉnh; gửi kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông trước 15 tháng 12 hàng năm.

b) Xây dựng kế hoạch và thực hiện xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng thông rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ di động mạng 4G và triển khai, phát triển mạng 5G, mở rộng vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh; tắt sóng công nghệ 2G trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

d) Phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng số, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - kỹ thuật khác; cung cấp đầy đủ, kịp

thời các số liệu liên quan đến hạ tầng số trên địa bàn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh.

đ) Tham gia, hỗ trợ phát triển thiết lập hệ thống wifi miễn phí tại các điểm công cộng phục vụ phát triển du lịch của tỉnh và các nhà sinh hoạt cộng đồng tại các huyện miền núi, hải đảo, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số.

e) Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh cơ sở hạ tầng viễn thông, phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết, khắc phục kịp thời các trường hợp phá hoại, xâm phạm hạ tầng viễn thông.

g) Triển khai chương trình hỗ trợ điện thoại thông minh từ nguồn vốn của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo để người dân có công cụ giao tiếp với chính quyền trên môi trường số.

h) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, địa phương và đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ TT&TT (VBĐT, b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành (VBĐT);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Báo Khánh Hòa, Đài PTTH Khánh Hòa (VBĐT);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VBĐT);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh (VBĐT);
- Lưu: VT, ĐL, LH, TNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Văn Thiệu